TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 16-5-2018
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Sum

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đặng Thị Cẩm T, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Võ Hoàng N, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Võ Hoàng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Đặng Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Võ Hoàng N cưới nhau năm 2010, trên cơ sở quen biết có tìm hiểu trước, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp

tính tình, đến tháng 5/2012 anh chị ly thân cho đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hiện nay anh N có người phụ nữ khác, không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Đặng Ngọc Minh A, sinh ngày 30/01/2013, từ khi ly thân đến nay sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Võ Hoàng N trình bày:

Việc cưới nhau chung sống và con chung như chị T khai là đúng. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Đặng Ngọc Minh A, sinh ngày 30/01/2013 như chị T khai. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị T nuôi con thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Các điều 9, 14, 81, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Cẩm T và anh Võ Hoàng N.

Về con chung: Giao con chung anh chị tên Đặng Ngọc Minh A, sinh ngày 30/01/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

Buộc anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi Đặng Ngọc Minh A trưởng thành lao động được (Tròn 18 tuổi).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/01/2018 bị đơn Võ Hoàng N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm mức cấp dưỡng nuôi con chung xuống 400.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Võ Hoàng N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm mức cấp dưỡng nuôi con chung

xuống 400.000 đồng/tháng, chị Đặng Thị Cẩm Th không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh N. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của anh Võ Hoàng N là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của anh Võ Hoàng N, nghe các bên đương sự trình bày trước tòa. Qua tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến.

[1]Hội đồng xét xử nghị án và nhận thấy án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Xin ly hôn" là có căn cứ.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Án sơ thẩm không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Cẩm T và anh Võ Hoàng N.

[3]Về con chung: Giao con chung tên Đặng Ngọc Minh A, sinh ngày 31/01/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N được quyền thăm nom chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

Buộc anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[4]Sau khi xét xử sơ thẩm, anh N có đơn kháng cáo yêu cầu giảm mức cấp dưỡng nuôi con xuống 400.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu kháng cáo của anh N là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, qua xét hỏi tại phiên tòa anh N thừa nhận cháu Đặng Ngọc Minh A là con của anh nên anh phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên tòa anh cho rằng hoàn cảnh kinh tế anh khó khăn yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 400.000 đồng. Xét thấy, mức cấp dưỡng nuôi con mà án sơ thẩm buộc anh N cấp dưỡng mỗi tháng là 800.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Nay anh N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 400.000 đồng là quá thấp. Phía chị T cũng không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm các bên không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, 14, 81, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Hoàng N. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Cẩm T và anh Võ Hoàng N.

2. Về con chung: Giao con chung anh chị tên Đặng Ngọc Minh A, sinh ngày 30/01/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

Buộc anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi Đặng Ngọc Minh A trưởng thành lao động được (Tròn 18 tuổi).

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Chị Đặng Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 07891 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị T đã nộp xong án phí.

Anh Võ Hoàng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Anh N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 08074 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cấn trừ, như vậy anh N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng nữa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Sum